

**TÒA ÁN NHÂN DÂN.
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 829/2022/DS-PT

Ngày: 27-12-2022.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Diệp.

Các Thẩm phán: Ông Trương Việt Hồng.
Bà Huỳnh Thị Như Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thuỳ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 và 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 158/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5287/2022/QĐ-PT ngày 24/10/2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 14967/2022/QĐ-PT ngày 21/11/2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15653/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thu H, sinh năm 1963; nơi cư trú: I C, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty L; địa chỉ: 5 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trọng H1 – Giám đốc (văn bản ủy quyền ngày 15/7/2022).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Bảo T, sinh năm 1968.

2.2. Bà Nguyễn Thị Minh H2, sinh năm 1968.

Cùng cư trú tại: A X, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1993; nơi cư trú: B H, Phường D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 16/4/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày:

Do quen biết nên bà Đoàn Thị Thu H có cho vợ chồng ông Vũ Bảo T và bà Nguyễn Thị Minh H2 vay tiền nhiều lần để kinh doanh. Ngày 16/6/2017, các bên tiếp tục ký hợp đồng cho vay với số tiền 2.700.000.000 đồng, thời hạn vay là 11 tháng tính từ ngày 14/6/2017 đến ngày 14/5/2018, không lãi suất. Sau khi nhận đủ số tiền trên, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.300.000.000 đồng, số tiền còn lại các bên thỏa thuận hạn cuối cùng phải trả hết là ngày 31/12/2018. Sau đó nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng bị đơn vẫn chưa trả hết nợ còn lại.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả các khoản sau:

- Tiền nợ gốc: 1.400.000 đồng;

- Tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 01/01/2019 đến 15/4/2022 theo mức lãi suất 10%/năm: 460.833.000 đồng;

Tổng cộng: 1.860.833.000 đồng.

Nguyên đơn yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đại diện bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký hợp đồng vay tiền ngày 16/6/2017 với bà H. Tuy nhiên, tại thời điểm giao kết hợp đồng, bà H không giao số tiền vay như thỏa thuận mà hẹn sẽ giao tiền cho vợ chồng ông T, bà H2 sau khi bà H gom góp đủ tiền. Do đôi bên có mối quan hệ quen biết và hợp tác làm ăn từ lâu nên ông T và bà H2 đồng ý. Sau đó, mặc dù vợ chồng ông T đã nhiều lần yêu cầu bà H về việc giao tiền theo hợp đồng vay, trường hợp không giao được tiền thì đề nghị hủy bỏ hợp đồng vay tiền đã ký nhưng không nhận được sự phản hồi từ bà H. Sau nhiều lần liên hệ không có kết quả, ông T và bà H2 cho rằng bà H không gom đủ số tiền trên cho vợ chồng ông vay nên không tiếp tục liên hệ, không gọi điện yêu cầu bà H giao tiền.

Việc bà Đoàn Thị Thu H yêu cầu ông T, bà H2 thanh toán số tiền nêu trên là hoàn toàn không có căn cứ, bởi vì:

Thứ nhất: Hợp đồng vay tiền do ông T và bà H ký kết ngày 16/6/2017 không phát sinh nghĩa vụ thực hiện hợp đồng do bà H chưa giao tiền cho ông T, bà H2.

Thứ hai: Việc bà **H** tự mình ghi nhận và ký tên trong mặt sau của Hợp đồng vay tiền ngày 16/6/2017 nội dung: “Hôm nay ngày 25/6/2018 tôi **Đoàn Thị Thu H** có nhận của cô **Nguyễn Thị Minh H2** số tiền mặt là 1.000.000.000 (Một tỷ đồng chẵn) và số nữ trang cô **H2** thế chấp cho tôi ...Vậy cô **H2** và chú **T** còn nợ tôi là 1.400.000.000 (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) cô Hà chú **T** hẹn từ nay đến cuối năm tháng 12/2018 sẽ trả hết cho tôi” là không có căn cứ vì chỉ một mình bà **H** ghi mà không có bất cứ sự xác nhận của bị đơn.

Do đó, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn.

3. Bản án sơ thẩm số 158/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông **Vũ Bảo T** và bà **Nguyễn Thị Minh H2** phải trả số tiền 1.883.973.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

4. Ngày 29/6/2022, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nếu bị đơn cho rằng tài liệu tin nhắn mà nguyên đơn cung cấp được Thừa phát lại lập vi bằng không phải là từ số điện thoại của bà **H2** thì đề nghị huỷ án sơ thẩm để điều tra, xác minh từ nhà mạng làm rõ tin nhắn này xuất phát từ số điện thoại nào, có phải là số điện thoại của bà **H2** không? Nếu bị đơn cho rằng những tin nhắn trao đổi hai bên mà nguyên đơn cung cấp không liên quan đến hợp đồng đang tranh chấp thì bị đơn phải có nghĩa vụ chứng minh đó là giao dịch nào?

5.2. Bị đơn cho rằng chứng cứ mới do nguyên đơn cung cấp chưa xác định đó là số điện thoại của bà **H2**, ông **T** và cũng không có nội dung xác định liên quan đến hợp đồng đang tranh chấp. Bị đơn không có nghĩa vụ chứng minh nội dung tin nhắn nguyên đơn cung cấp là giao dịch nào, có liên quan đến bị đơn hay không, nghĩa vụ chứng minh để khởi kiện thuộc về nguyên đơn.

5.3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: đơn kháng cáo của bà **Đoàn Thị Thu H** trong thời hạn luật định. Quá trình tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung:

- Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ chứng cứ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại phiên toà phúc thẩm không có nội dung liên quan đến hợp đồng ngày 16/6/2017.

- Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà **Đoàn Thị Thu H** làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, bản án sơ thẩm số 158/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

2. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: giữa bà **Đoàn Thị Thu H** và ông **Vũ Bảo T**, bà **Nguyễn Thị Minh H2** có quan hệ quen biết và vay tiền làm ăn. Những hợp đồng trước ngày 16/6/2017, các đương sự đều thừa nhận đã tất toán và bị đơn cũng đã nhận lại hai Giấy phép kinh doanh đã thế chấp. Đối với Hợp đồng ngày 16/6/2017, hai bên ký số tiền cho vay là 2.700.000.000 đồng nhưng tại mục “Bên B: giao đủ số tiền trên đây cho bên A...” thì lại ghi “Không có”.

Bị đơn cho rằng sau khi ký Hợp đồng nguyên đơn không giao tiền. Nguyên đơn cho rằng Hợp đồng cho vay tiền ngày 16/6/2017 là công nợ còn lại của các hợp đồng vay tiền trước đó các bên đã ký kết. Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cụ thể số nợ gốc và nợ lãi còn lại của từng hợp đồng đã ký trước đó. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn xuất trình vi bằng do **Văn phòng T1** lập ngày 09/11/2022 là tập hợp một số tin nhắn từ số điện thoại của bà **Đoàn Thị Thu H** có nội dung bà **H** cho rằng giữa các bên có quan hệ vay mượn tiền giùm, nợ hụi, có nội dung trả lãi, hẹn trả vốn và cũng có nội dung cho rằng việc trả lãi này là trả lãi của lãi.

Xét thấy, Thừa phát lại chỉ ghi nhận những tập tin có lưu tên, nội dung những tin nhắn này không thể hiện giao dịch liên quan đến hợp đồng ngày 16/6/2017, không có nội dung xác nhận số tiền nợ còn thiếu từ hợp đồng ngày

16/6/2017. Mặc khác, nội dung hợp đồng ngày 16/6/2017 là vay không lãi suất, không có nội dung hết 11 tháng thì thoả thuận tính lãi, lãi suất bao nhiêu...; không có nội dung số tiền này là tiền vay mượn giùm và có thoả thuận hợp đồng vay tài sản có thể chấp bằng vàng nên tất cả những tin nhắn mà nguyên đơn cung cấp tại vi bằng ngày 09/11/2022 lại có nội dung là nợ lãi, trả lãi từ việc vay một người nào khác, thế chấp tài sản bằng vàng... không liên quan đến hợp đồng mà hai bên tranh chấp mà Toà án đang giải quyết.

Cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn bộ chứng cứ và có quyết định phù hợp với quy định pháp luật. Tại phiên toà phúc thẩm, chứng cứ nguyên đơn xuất trình không làm thay đổi bản chất vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

3. Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà **Đoàn Thị Thu H.**

2. Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà **Đoàn Thị Thu H.** Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 158/2022/DS-ST ngày 29/6/2022 của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà **Đoàn Thị Thu H** về việc yêu cầu ông **Vũ Bảo T** và bà **Nguyễn Thị Minh H2** phải trả số tiền 1.883.973.000 đồng (bao gồm tiền nợ gốc là 1.400.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 483.973.000 đồng) theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 16/6/2017.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Đoàn Thị Thu H** phải chịu án phí sơ thẩm là 68.519.190 đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.850.005 đồng theo biên lai thu tiền

tạm ứng án phí số 0068677 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình. Bà **H** còn phải nộp thêm 37.669.185 đồng án phí.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: 300.000 đồng. Bà **Đoàn Thị Thu H** phải chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà **H** đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0031693 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền và nghĩa vụ của đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Diệp